TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:197/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2023
V/v tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con chung"*.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Thụy
2. Bà Phan Thị Nga

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 369/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 324/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 472/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị M, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh An Giang, (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn N, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp L, xã G, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Huỳnh Thị M trình bày: chị và anh Nguyễn Tấn N quen biết, tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2013, vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian chung sống được khoảng cuối năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn chung sống với nhau khoảng tháng 03 năm nay. Nhận thấy tình cảm không còn, nay chị yêu cầu ly hôn với anh N.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Tấn H1, sinh ngày 20/9/2012, sau khi ly hôn chị M yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Bản sao, Giấy khai sinh con chung; Tờ tự khai và đơn khởi kiện ngày của ngày 26/5/2023; giấy chứng nhận kết hôn số 04 (bản chính);

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải để động viên chị M, anh N xóa bỏ những bất đồng quan điểm, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với lý do anh N. Anh N được triệu tập nhưng đều vắng mặt, không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm với chị M. Vì vậy, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định.

Tại Biên bản xác minh do cán bộ Tòa án lập được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C xác nhận thông tin anh Nhơn vẫn còn đăng ký cư trú tại ấp Long Hòa, xã Long Giang và đại diện Ban ấp A cung cấp thông tin chị M và anh N đã không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2020 đến nay; anh N đi làm xa nhưng về nhà thường xuyên.

Tại bản trình bày ý kiến của cháu Nguyễn Tấn H1, sinh ngày 20/9/2012 thể hiện nguyện vọng trường hợp cha mẹ ly hôn, cháu mong muốn được sống cùng mẹ.

Tại phiên tòa, chị M có đơn xin vắng, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh N, nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung; anh N vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng:

Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến giải quyết vụ án: Chị HuỳnhThị M và anh Nguyễn Tấn N tự tìm hiểu tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C ngày 07/01/2013 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ; vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên hay xảy ra cự cãi, vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị M yêu cầu ly hôn với anh N.

Xét thấy từ khi chị M gửi đơn khởi kiện, anh N không có ý kiến phản hồi, cũng như không tạo điều kiện hàn gắn hạnh phúc vợ chồng. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không đến thăm nhau để hàn hắn tình cảm vợ chồng, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã ngày càng trầm trọng. Mặc khác, chị M xác định không còn tình

cảm với anh N nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, nên việc chị M xin ly hôn với anh N là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Có con chung Nguyễn Tấn H1, sinh ngày 20/9/2012, sau khi ly hôn chị M yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc giao con cho cha hoặc mẹ chăm sóc nuôi dưỡng phải căn cứ vào điều kiện sinh sống, phát triển cũng như nguyện vọng của con. Từ khi chị M và anh N ly thân, cháu H1 sống với chị M vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Mặt khác, cháu H1 có nguyện vọng sống chung với chị M. Để ổn định cho cuộc sống của cháu, nên để chị M tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cháu. Do chị M không yêu cầu cấp dưỡng nên không đề cập đến.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề cập giải quyết.

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Mận đối với anh Nguyễn Tấn Nhơn.

- Chị Huỳnh Thị M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Tấn H1, sinh ngày 20/9/2012. Anh Nguyễn Tấn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Chị M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh N, vợ chồng có 01 con chưa thành niên, được xác định là tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con chung"* quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn Nguyễn Tấn N có nơi cư trú tại địa bàn huyện C, tỉnh An Giang. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện C, tỉnh An Giang theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Về tính hợp pháp: Chị M, anh N quen biết, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, không ai lừa dối hay ép buộc; có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C ngày 07/01/2013 thuộc trường hợp hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận, bảo vệ.

[2.2] Về tình trạng hôn nhân: Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày thường

xuyên cự cãi, không tìm được tiếng nói chung, phát sinh nhiều mâu thuẫn và ly thân cho đến nay, anh N đi làm ăn xa; chị M yêu cầu ly hôn với anh N; Anh N không có ý kiến phản hồi thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm; chị M xác định không còn tình cảm với anh N và kiên quyết xin được ly hôn;

Với những căn cứ trên, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị M, anh N phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của chị M xin ly hôn với anh N theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung:* Có con chung Nguyễn Tấn H1, sinh ngày 20/9/2012 hiện đang sống cùng với chị M. Sau khi ly hôn, chị M yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc giao con cho cha hoặc mẹ chăm sóc nuôi dưỡng phải căn cứ vào điều kiện sinh sống, phát triển cũng như nguyện vọng của con. Từ khi chị M và anh N ly thân, cháu H1 sống với chị M vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Bên cạnh đó, ý kiến cháu được sống cùng mẹ.

Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống cho cháu nên giao cho chị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chị M không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con, không đề cập.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu, nên không đề cập;

[5] Về án phí: chị M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự. Anh N không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1.Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị M. Cho chị Huỳnh Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Tấn N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 04, Quyển số 01, do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang, cấp ngày 07 tháng 01 năm 2013 cho chị Huỳnh Thị M với anh Nguyễn Tấn N, không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tấn H1, sinh ngày 20/9/2012 cho chị Huỳnh Thị M được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Anh Nguyễn Tấn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Huỳnh Thị M cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Tấn N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Tấn H, sinh ngày 20/9/2012.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3.Về tài sản chung, nợ chung: không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị Huỳnh Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0013679 ngày 26 tháng 5 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang; chị M đã nộp xong.

Anh Nguyễn Tấn N không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Thị M, anh Nguyễn Tấn N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc được niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã A, huyện C, tỉnh An Giang.
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Huy Phong